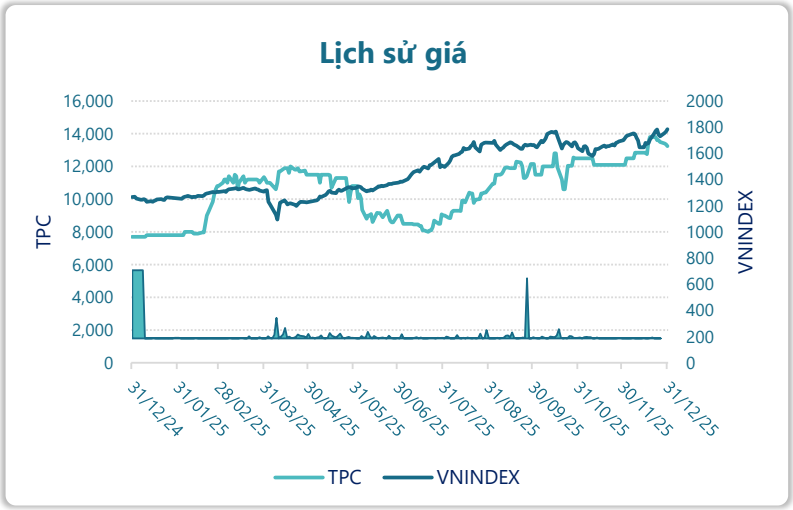
FireAnt

CTCP Nhựa Tân Đại Hưng (HSX: TPC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,250**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,700
SL cổ phiếu LH	22,516,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)	171,205
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	298
P/E	25.1
EPS	527

DT thuần

Q4/25

120

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00| -5.0%

YoY: ▲ 1.00| 0.6%

LN sau thuế

Q4/25

0.64

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.53| -87.5%

YoY: ▼4.47| -87.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.8%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2025

476

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 39.0| 9.1%

LN sau thuế

2025

11.9

tỷ VNĐ

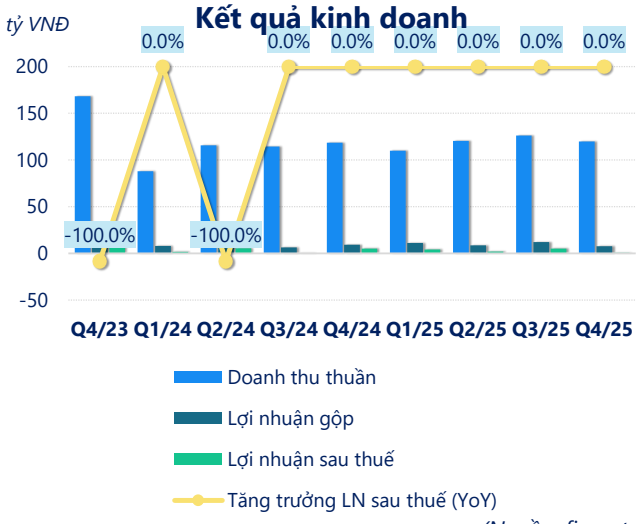
ROE

2025

4.2%

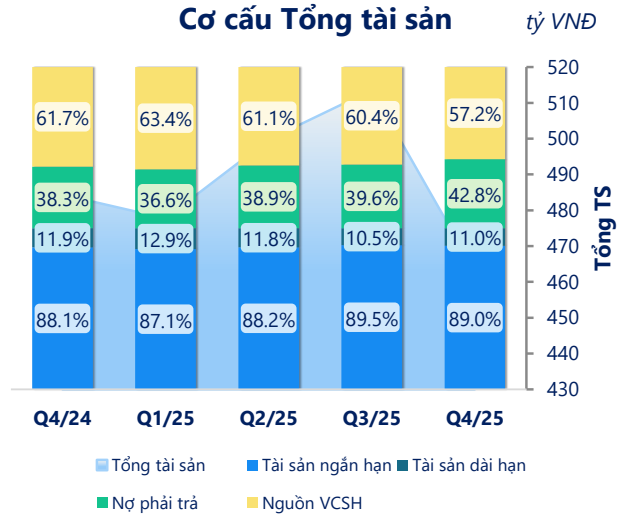
+/- YoY: ▲ 0.1%

Kết quả kinh doanh



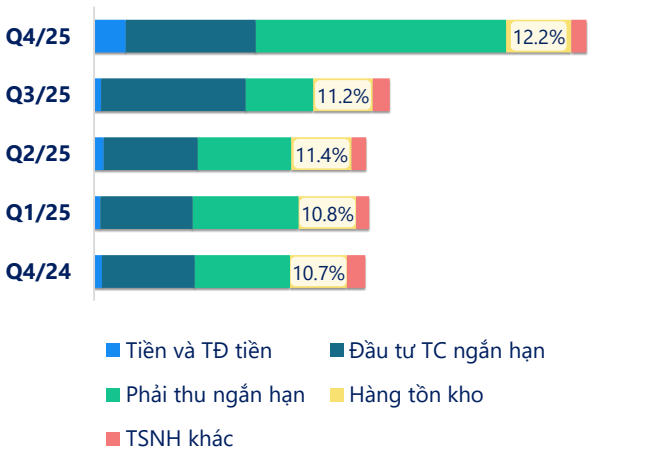
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



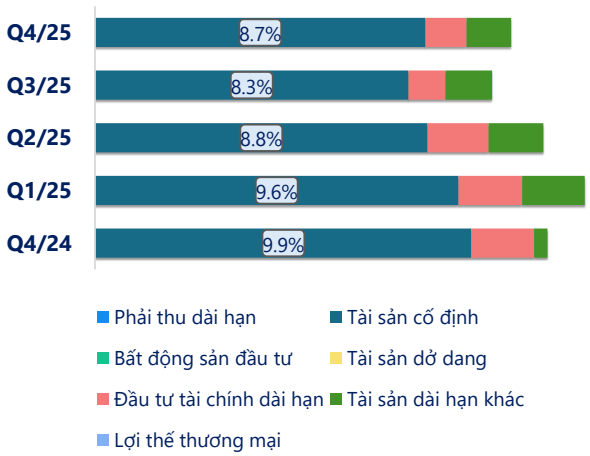
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



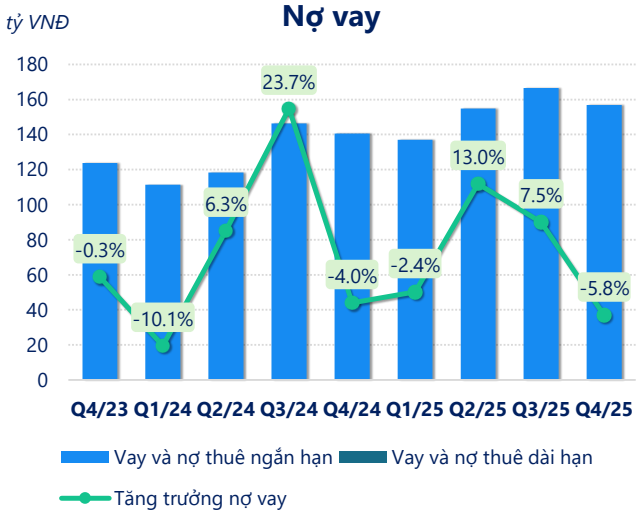
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



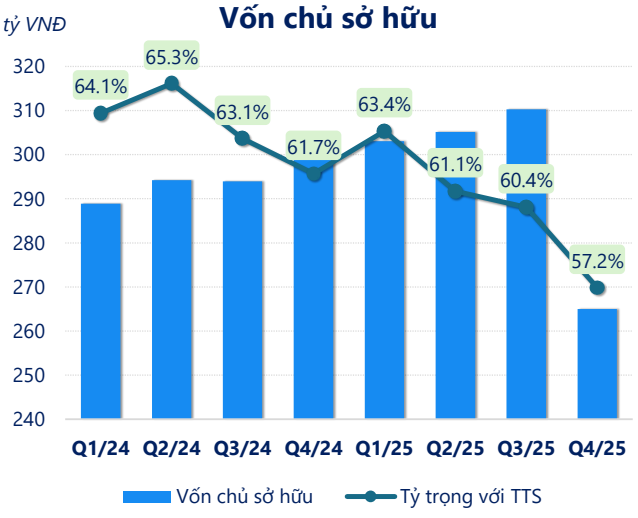
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



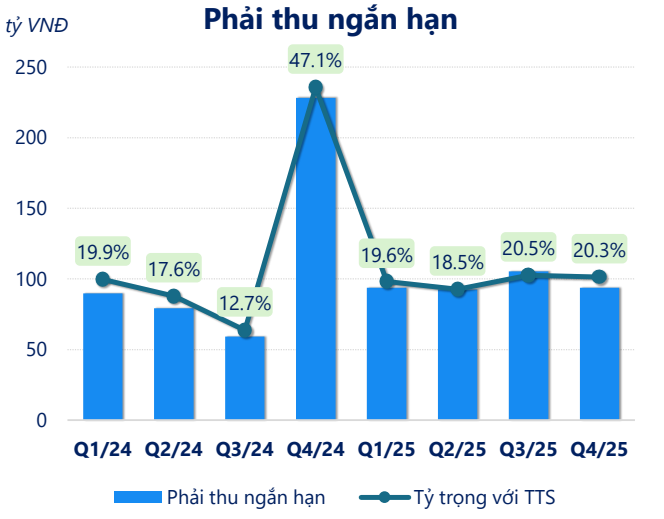
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



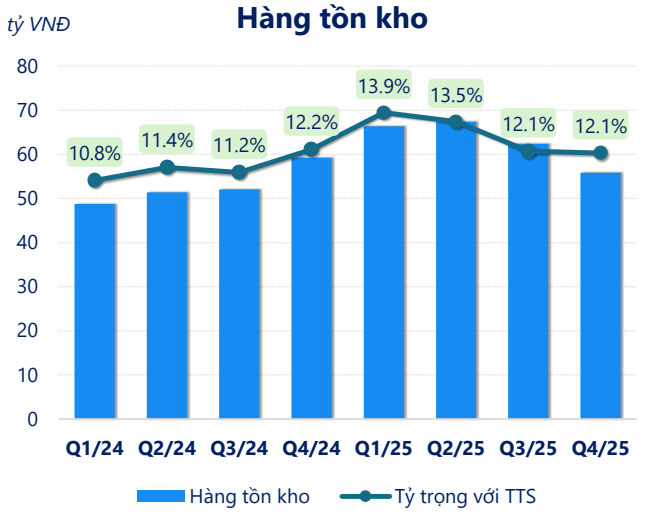
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



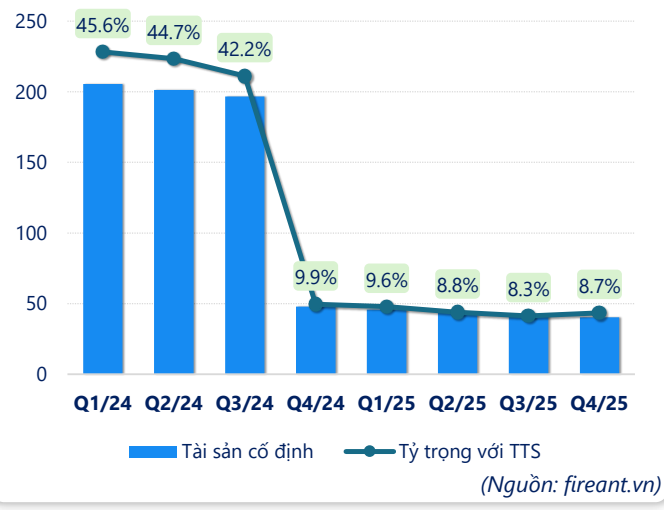
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



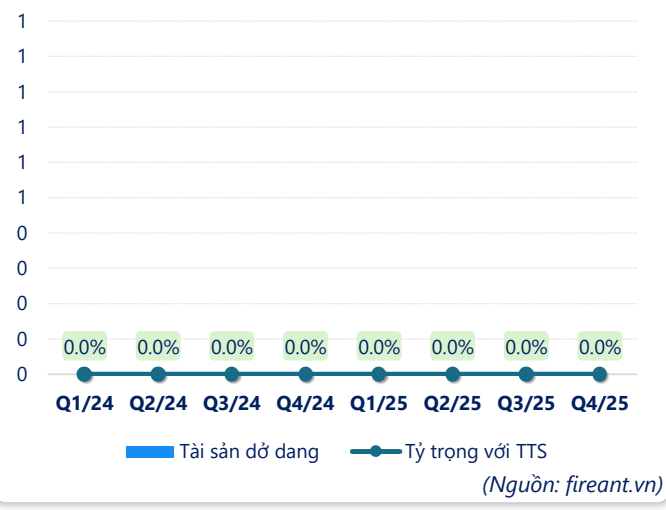
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



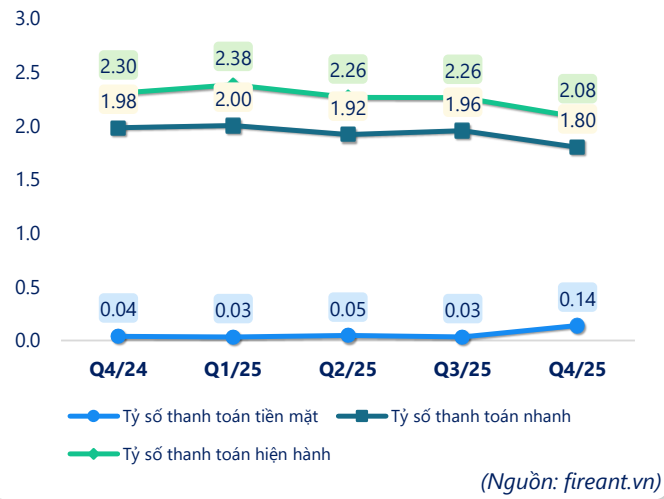
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



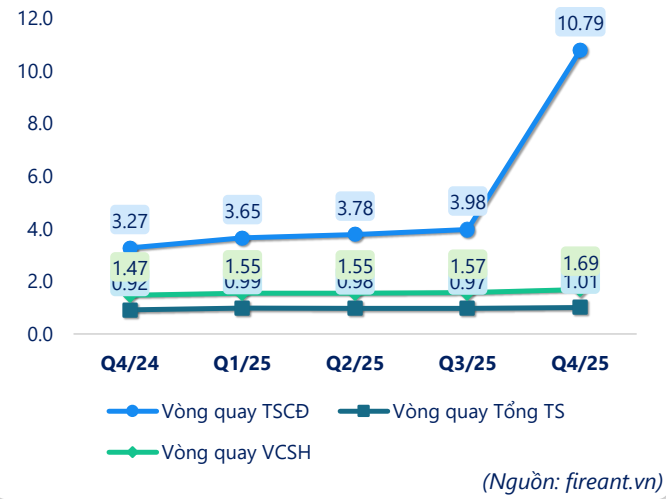
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**484**	**478**	**500**	**514**	**463**
Tài sản ngắn hạn	**427**	**416**	**441**	**460**	**412**
Tiền và tương đương tiền	7.14	5.73	9.07	6.69	27.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	118	238	263	275	222
Phải thu ngắn hạn	228	93.7	92.6	105	93.8
Hàng tồn kho	59.2	66.4	67.4	62.4	55.8
Tài sản ngắn hạn khác	13.8	12.6	8.74	10.4	13.4
Tài sản dài hạn	**57.7**	**61.6**	**59.0**	**53.7**	**50.7**
Phải thu dài hạn	0.06	0	0	0	0
Tài sản cố định	47.9	45.7	43.8	42.4	40.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	8.00	8.00	8.00	5.00	5.00
Tài sản dài hạn khác	1.72	7.88	7.22	6.30	5.44
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**185**	**175**	**195**	**203**	**198**
Nợ ngắn hạn	**185**	**175**	**195**	**203**	**198**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	141	137	155	166	157
Phải trả người bán ngắn hạn	27.9	26.7	26.7	20.7	23.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**299**	**303**	**305**	**310**	**265**
Vốn chủ sở hữu	**299**	**303**	**305**	**310**	**265**
Vốn điều lệ	244	244	244	225	225
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)